

*Hà Nội, ngày 13 tháng 8 năm 2023*

**BÁO CÁO**

**Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW ngày 03/6/2013  
của Ban chấp hành Trung ương về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu,  
tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường  
(Lĩnh vực: Quản lý tài nguyên)**

Nghị quyết 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương được ban hành ngày 03/6/2013 tại Hội nghị lần thứ 7 khóa XI trong bối cảnh đất nước ta đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hướng tới năm 2020 cơ bản trở thành nước công nghiệp. Nghị quyết đã đề ra những quyết sách lớn của Đảng trong ứng phó với BĐKH, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường (BVMT) ở nước ta. Ngày 23/8/2019, Bộ Chính trị cũng đã ban hành Kết luận số 56-KL/TW về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Sau 10 năm thực hiện, Ban Cán sự đảng Bộ Tài nguyên và Môi trường (TN&MT) được giao chủ trì, chuẩn bị trình Bộ Chính trị Đề án Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW. Triển khai nhiệm vụ được giao, ngành tài nguyên và môi trường đã tiến hành tổng kết, đánh giá từ các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT cũng như các địa phương trên cả nước, trên cơ sở đó sẽ tổng hợp báo cáo Tổng kết 10 năm thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW.

**I. Về tuyên truyền, quán triệt, tổ chức thực hiện Nghị quyết**

Ngay sau khi Nghị quyết số 24-NQ/TW được ban hành, Bộ TN&MT đã phối hợp với các Bộ, ngành, địa phương triển khai sâu rộng các hoạt động tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về ứng phó với BĐKH, quản lý tài nguyên và BVMT với nhiều hình thức thiết thực, hiệu quả. Các phong trào thi đua thường xuyên và chuyên đề theo kế hoạch hàng năm và giai đoạn với các chủ đề gắn với nội dung theo Nghị quyết cũng được phát động.

Đồng thời, Ban Cán sự đảng Bộ TN&MT đã xây dựng, trình Chính phủ phê duyệt Nghị quyết 08/NQ-CP ngày 23/01/2014 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW về chủ động ứng phó với BĐKH, tăng cường quản lý tài nguyên và BVMT. Triển khai thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW, Bộ TN&MT cũng đã ban hành Quyết định số 1213/QĐ-BTNMT ngày 24/6/2014 phê duyệt Kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết 08/NQ-CP ngày 23/01/2014 của Chính phủ. Các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương cũng ban hành kế hoạch hành động để triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết 08/NQ-CP.

Sau 05 năm thực hiện, trên cơ sở kết quả tổng kết thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW, Bộ Chính trị đã ban hành Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa XI về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Chính phủ đã ban hành Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 về Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW theo Kết luận 56-KL/TW. Theo đó, Bộ TN&MT cũng đã ban hành Quyết định số 1633/QĐ-BTNMT ngày 20/8/2021 phê duyệt Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 06/NQ-CP ngày 21/01/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW theo Kết luận số 56-KL/TW ngày 23/8/2019 của Bộ Chính trị.

## **II. Về kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp về quản lý tài nguyên**

Với vai trò là cơ quan tham mưu giúp Chính phủ quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật về quản lý tài nguyên, trong 10 năm qua, ngành TN&MT đã tập trung chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về quản lý tài nguyên đề ra tại Nghị quyết 24-NQ/TW, đến nay đã đạt được nhiều kết quả tích cực, đồng thời cũng có một số chỉ tiêu, nhiệm vụ cần tiếp tục được rà soát, đánh giá, điều chỉnh để phù hợp với bối cảnh mới của đất nước.

Một số kết quả chính trong lĩnh vực quản lý tài nguyên như sau:

### ***Thứ nhất, hệ thống chính sách, pháp luật chung và về tài nguyên ngày càng được hoàn thiện***

Trong giai đoạn từ năm 2013-2023, việc bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách theo chủ trương của Nghị quyết đã được ngành TN&MT quan tâm, triển khai thực hiện.

Đến năm 2023, lĩnh vực quản lý tài nguyên có **02 dự án xây dựng, sửa đổi luật** được Quốc hội xem xét, thông qua, gồm: Luật Đất đai (sửa đổi) 2013, Luật Tài nguyên, Môi trường biển và hải đảo 2015. Hiện có **03 dự án luật đang được sửa đổi**, gồm: Luật Đất đai 2013, Luật Tài nguyên nước 2010, Luật Khoáng sản 2010... Chính phủ đã ban hành 29 Nghị định, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành 40 Quyết định, các Bộ, ngành và cơ quan Trung ương theo thẩm quyền đã ban hành nhiều Quyết định, Chỉ thị, Thông tư để thể chế hoá các nội dung của Nghị quyết 24-NQ/TW.

### ***Thứ hai, công tác điều tra, đánh giá tiềm năng, trữ lượng, giá trị kinh tế, thực trạng và xu hướng diễn biến của các nguồn tài nguyên quốc gia được đẩy mạnh***

Công tác điều tra cơ bản, đánh giá tiềm năng, trữ lượng các tài nguyên được quan tâm đẩy mạnh; được thể chế hóa trong các luật và được triển khai thực hiện thông qua các chương trình, đề án, dự án; phương tiện kỹ thuật để điều tra, giám sát đã được tăng cường hơn so với trước đây. Kết quả thực hiện trong thời gian qua đối với điều tra, đánh giá tài nguyên đất, khoáng sản trên đất liền, tài nguyên nước mặt và tài nguyên biển đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

*Đối với tài nguyên đất*, đã hoàn thành việc điều tra, đánh giá thoái hoá đất lần đầu cho 06 vùng kinh tế-xã hội; đã đo đạc lập bản đồ địa chính cho hơn 78% diện tích tự nhiên

*Đối với tài nguyên địa chất, khoáng sản*, công tác lập bản đồ địa chất và điều tra khoáng sản tỷ lệ 1:50.000 phần đất liền đã tăng từ 60% (năm 2011) lên 73% (năm 2022); công tác điều tra biển ven bờ sâu đến 30m nước cơ bản hoàn thành; đã đánh giá tổng thể tiềm năng đối với một số loại khoáng sản gồm titan, bauxite, sắt laterit, than nâu, chì-kẽm; tiềm năng tổng thể đá hoa trắng, cát thủy tinh đang được thực hiện.

*Đối với tài nguyên nước mặt*, đã ban hành danh mục nguồn nước liên tỉnh, danh mục nguồn nước liên quốc gia; có 12/63 tỉnh đã ban hành danh mục nguồn nước mặt nội tỉnh. Đã lập bản đồ danh mục lưu vực sông Việt Nam; bản đồ đặc trưng lưu vực sông, ước tính khoảng 4.816km<sup>2</sup> trên các sông liên quốc gia lưu vực sông Hồng (chiếm 1,5% diện tích toàn quốc). Đã xác định dòng chảy tối thiểu của 11/13 dòng chính thuộc các lưu vực sông lớn (Hồng, Cả, Mã, Hương, Vu Gia - Thu Bồn, Trà Khúc, Kon, Ba, Sê San, Srepok và Đồng Nai).

*Đối với tài nguyên nước dưới đất*, đã lập được bản đồ tỷ lệ 1:200.000 cơ bản phủ kín 100% toàn quốc (năm 2010 là 70%); tỷ lệ 1:100.000 khoảng 12%; tỷ lệ 1:50.000 khoảng 18% và tỷ lệ 1:25.000 khoảng 6% diện tích tự nhiên cả nước. Đã lập bản đồ địa chất thủy văn (tỷ lệ 1:200.000 cơ bản phủ kín toàn quốc; tỷ lệ 1:100.000 chưa được thực hiện; tỷ lệ 1:50.000 khoảng 25,0% và tỷ lệ 1:25.000 khoảng 1% diện tích tự nhiên cả nước). Đã điều tra, đánh giá chi tiết gắn với việc tìm kiếm, phát hiện nguồn nước dưới đất cho một số đảo quan trọng về quốc phòng, an ninh và vùng núi cao, khan hiếm đạt khoảng 5%.

*Về tài nguyên biển, đảo*, từ năm 2012 đến năm 2021, công tác điều tra địa chất, khoáng sản, địa chất môi trường và tai biến địa chất vùng biển từ 0-30m nước tỷ lệ 1:100.000 đã hoàn thành trên diện tích 18.388 km. Tổng cộng, tính cả trước năm 2012, đã hoàn thành 41.100 km<sup>2</sup>, đạt 42,19% (tổng diện tích biển ven bờ 0-30m nước là 97.431 km<sup>2</sup>); diện tích 22.500 km<sup>2</sup> (60-100m nước); đang triển khai 02 đề án (50-300m nước và 500-2.500m nước) trên diện tích 266.050 km<sup>2</sup>. Đã hoàn thành điều tra đánh giá hiện trạng nguồn lợi thủy sản trên các vùng biển Việt Nam giai đoạn 2011-2016.

***Thứ ba, hoàn thiện các quy hoạch, quản lý và khai thác, sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên quốc gia.***

Chiến lược bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên đã được ban hành và triển khai thực hiện đối với khoáng sản, tài nguyên nước, biển và hải đảo. Đã thiết lập các cơ chế quản lý, giám sát minh bạch, bảo đảm sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên. Công tác quy hoạch, quản lý và khai thác tài nguyên đất, khoáng sản, tài nguyên nước tiếp tục được hoàn thiện; cơ chế, chính sách, biện pháp sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên đất, khoáng sản, tài nguyên nước và nguồn lợi thủy sản được triển khai; nguồn thu từ tài nguyên

tăng dần qua các năm, tài nguyên tiếp tục có nhiều đóng góp quan trọng cho nền kinh tế.

*Về khoáng sản*, các quy hoạch khoáng sản đã được quan tâm, thực hiện; việc cấp phép được chấn chỉnh, cơ bản ngăn chặn tình trạng cấp phép tràn lan. Việc xuất khẩu khoáng sản thô và chỉ qua chế biến sơ đã chấm dứt. Đã xây dựng được một số khu công nghiệp chế biến khoáng sản; cơ chế thu tiền cấp quyền khai thác thu được hơn 39.408 tỷ đồng trong giai đoạn từ năm 2014 đến hết năm 2022.

*Về đất đai*, công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất tiếp tục được đổi mới, hoàn thiện; quy hoạch sử dụng đất đến 2020 được phê duyệt, điều chỉnh; quy hoạch đến 2030 cấp quốc gia đã được ban hành. Việc sử dụng đất hợp lý tiết kiệm, và hiệu quả, chính sách “dồn điền, đổi thửa”, tích tụ đất đai, cánh đồng mẫu lớn được nhiều kết quả. Nguồn thu ngân sách từ đất tăng đều qua các năm, đạt xấp xỉ 255.000 tỷ đồng năm 2020, gần gấp 4 lần so với năm 2013 (~64.000 tỷ đồng). Việc khai thác đất chưa sử dụng được đẩy mạnh.

*Về tài nguyên nước*, có 07/15 quy hoạch tài nguyên nước quốc gia và lưu vực sông liên tỉnh được phê duyệt; triển khai phân vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước; thiết lập 11 quy trình vận hành liên hồ chứa các lưu vực sông; đã thu được 6.256 tỷ đồng tiền cấp quyền khai thác nước (trung bình 1.200 tỷ đồng/năm).

***Thứ tư, thúc đẩy phát triển, sử dụng năng lượng mới, năng lượng tái tạo, các nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu mới thay thế các nguồn tài nguyên truyền thống.***

Về phát triển năng lượng, đã thúc đẩy mạnh mẽ và đạt được kết quả vượt bậc trong phát triển năng lượng tái tạo; đến 2022, tỷ trọng điện năng từ điện gió, mặt trời đạt 26,5%; đến năm 2020, tỷ trọng năng lượng tái tạo trên tổng năng lượng thương mại sơ cấp đạt 14,9%, gấp 3 lần mục tiêu đề ra (trên 5%); bước đầu sử dụng một số nguyên vật liệu thay thế tài nguyên truyền thống.

Chủ trương, chính sách phát triển năng lượng mới, tái tạo đã được thúc đẩy mạnh mẽ bởi Nghị quyết 55-NQ/TW của BCHTW Đảng và các chiến lược, quy hoạch. Các cơ chế hỗ trợ, khuyến khích đầu tư các dự án điện từ gió, chất thải rắn, sinh khối, mặt trời được ban hành.

Đến 2022, nhiều dự án điện gió, mặt trời, thủy điện đã được triển khai, đưa vào khai thác, vận hành, gồm: điện gió - 4.120 MW; điện mặt trời - 16.506 MW (trong đó điện mặt trời áp mái là 7.755 MW); thủy điện nhỏ - 5.106 MW, đang thi công xây dựng 136 dự án với công suất 1.688 MW. Tổng công suất các nguồn điện từ NLTT là 20.626 MW và chiếm tỷ trọng 26,5% toàn hệ thống, cao gấp 40 lần so với năm 2010 (500MW).

Nhiên liệu sinh học, khí sinh học có bước phát triển mạnh với xăng E5 được tiêu thụ, chiếm khoảng 31-32% thị phần (năm 2012 mới chỉ được tiêu thụ thí điểm);

cả nước có khoảng 500.000 hầm bioga từ chăn nuôi. Tỷ lệ năng lượng truyền thống trong tổng năng lượng thương mại sơ cấp đạt 14,9% vào năm 2020.

### III. Các hạn chế và nguyên nhân

#### 1. Các hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác quản lý tài nguyên nước ta vẫn còn những tồn tại, hạn chế, xuất phát từ nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan khác nhau. Các nguồn lực để đảm bảo hiệu quả trong công tác quản lý tài nguyên còn rất hạn chế. Tài nguyên được quản lý, khai thác hiệu quả hơn nhưng chưa đảm bảo được tính hợp lý, thiếu tính bền vững.

***Thứ nhất, công tác điều tra cơ bản các loại tài nguyên chưa đáp ứng yêu cầu đi trước một bước để phục vụ quản lý hiệu quả tài nguyên; vẫn chưa hoàn thành về đo đạc địa chính, điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản trên đất liền và dưới đáy biển, tài nguyên nước; việc lượng giá, thiết lập tài khoản tài nguyên trong nền kinh tế chưa được triển khai thực hiện.***

Về tài nguyên đất, vẫn còn gần 25% diện tích đất đai chưa được đo đạc chính quy; ở nhiều nơi việc đo đạc lập bản đồ địa chính tiến hành chậm, hiệu quả thấp, chưa gắn với việc đăng ký cấp đổi Giấy chứng nhận; CSDL đất đai chưa được xây dựng xong.

Về khoáng sản, công tác điều tra cơ bản địa chất về khoáng sản trên đất liền chưa đạt mục tiêu đề ra. Vẫn còn 34/56 đề án (chiếm ~61%) chưa hoàn thành; ~27 diện tích đất liền chưa được điều tra, đánh giá.

Về tài nguyên nước, mạng lưới trạm quan trắc, giám sát tài nguyên nước còn thiếu và chưa đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu đánh giá số lượng, chất lượng và dự báo diễn biến tài nguyên nước, chưa đảm bảo chủ động trong việc kiểm soát nguồn nước ở nhiều khu vực. Công nghệ, thiết bị, kỹ thuật điều tra, đánh giá tài nguyên nước còn lạc hậu; hệ thống mạng quan trắc nguồn nước xuyên biên giới chưa được hoàn thiện để đảm bảo việc tích hợp với hệ thống thông tin cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia. Việc xây dựng bản đồ tài nguyên nước dưới đất tỷ lệ 1:100.000 còn hạn chế, còn 85,6% diện tích chưa được điều tra; gần 90% diện tích chưa có bản đồ tỷ lệ 1:50.000 và 1:25.000. Việc đánh giá tài nguyên nước mặt còn hạn chế, mới chỉ được thực hiện ở 11 lưu vực sông liên tỉnh.

Về tài nguyên biển, vẫn còn xấp xỉ 58% diện tích vùng biển độ sâu 0-30m chưa được điều tra, đánh giá; 18% diện tích vùng biển chưa được lập hải đồ, bản đồ. Phần lớn diện tích vùng biển nông dưới 100m nước (xấp xỉ 75% diện tích) cũng như 100% diện tích các vùng biển sâu, xa bờ (trên 100m nước) chưa được điều tra địa chất khoáng sản biển.

***Thứ hai, công tác lập và thực hiện quy hoạch khai thác, sử dụng tài nguyên còn nhiều bất cập; việc thực thi các quy hoạch tài nguyên còn nhiều tồn tại, yếu***

***kém; tình trạng sử dụng manh mún, lãng phí, không hợp lý, kém hiệu quả và không bền vững tài nguyên vẫn còn tồn tại; cơ chế thị trường trong quản lý tài nguyên chưa hoàn thiện.***

*Về đất đai*, chiến lược quản lý, sử dụng tài nguyên đất chưa được ban hành; hệ thống quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất vẫn còn chưa đảm bảo tính đồng bộ, kết nối, thiếu tầm nhìn dài hạn; công tác lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn chậm, chất lượng chưa cao, phải điều chỉnh nhiều lần. Việc quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sau khi được duyệt còn bị buông lỏng; tình trạng vi phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn tiếp diễn; tình trạng điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất còn diễn ra phổ biến ở nhiều địa phương. Vẫn còn tình trạng quy hoạch treo, lãng phí trong sử dụng đất đô thị; không gian ngầm chưa được khai thác hiệu quả.

Đất đai chưa được quản lý theo cơ chế thị trường, việc xây dựng khung giá, xác định giá đất còn nhiều bất cập; công tác thu hồi đất có nhiều vướng mắc, giá bồi thường thấp hơn giá thị trường đã gây ra nhiều vụ khiếu kiện. Thị trường bất động sản phát triển chưa ổn định, thiếu minh bạch, vẫn còn tình trạng thiếu cân đối sản phẩm nhà ở, lệch pha cung – cầu; thị trường quyền sử dụng đất nông nghiệp hoạt động còn yếu. *Công tác giao đất, cho thuê đất ở một số nơi còn nhiều bất cập, sai phạm; giao đất có thu tiền và cho thuê đất theo hình thức đấu giá quyền sử dụng đất thực hiện còn hạn chế; việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư còn nhiều vướng mắc, chưa được kịp thời tháo gỡ.*

*Về tài nguyên khoáng sản*, việc thực thi quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản còn bất cập; tình trạng khai thác khoáng sản trái phép vẫn còn xảy ra ở một số địa phương, đặc biệt là khai thác cát sỏi lòng sông, khi lượng phù sa suy giảm, gây sạt lở bờ sông ở khu vực ĐBSCL; việc theo dõi, giám sát sản lượng khai thác khoáng sản còn yếu. Chưa có sự chuyển biến mạnh mẽ trong đổi mới công nghệ, thiết bị khai thác, chế biến khoáng sản nhằm thu hồi tối đa khoáng sản và chế biến sâu, nâng cao giá trị khoáng sản sau khai thác. Số lượng các khu công nghiệp khai thác, chế biến sâu khoáng sản mang tính tập trung, liên vùng còn ít. Chưa quy định phương thức xác định thiệt hại, cơ quan có trách nhiệm chủ trì việc đền bù thiệt hại khi khu vực hoạt động khoáng sản được bổ sung vào khu vực cấm hoạt động khoáng sản, khu vực tạm cấm hoạt động khoáng sản. Chưa áp dụng hiệu quả các chính sách, công cụ của thị trường; cơ chế phân bổ nguồn lực, chia sẻ lợi ích trong hoạt động khoáng sản chưa thực sự hiệu quả. Số lượng các mỏ được cấp phép thăm dò, khai thác thông qua hình thức đấu giá chưa nhiều, chưa mang lại kết quả như mong muốn. Đã có cơ chế khuyến khích doanh nghiệp đầu tư cho hoạt động thăm dò khoáng sản nhưng chưa có cơ chế kiểm soát được chất lượng thăm dò, kết quả thăm dò.

*Về tài nguyên nước*, công tác lập quy hoạch tài nguyên nước còn chậm, các quy hoạch tài nguyên nước cấp quốc gia, quy hoạch tài nguyên nước lưu vực sông liên tỉnh mới được bắt đầu triển khai xây dựng, vì vậy, vẫn còn tình trạng khai thác nước không theo quy hoạch. Công tác bảo vệ nguồn nước chưa đáp ứng yêu cầu;

chưa ngăn chặn được xu hướng suy giảm nước ngầm và ô nhiễm nước mặt. Tính đến nay, vẫn còn 37/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (59%) chưa thực hiện khoanh vùng, hạn chế khai thác tài nguyên nước dưới đất, công bố theo quy định. Vẫn còn 20/63 địa phương (32%) chưa phê duyệt danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ, 44/63 địa phương chưa thực hiện cấm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước. Các biện pháp sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tài nguyên nước chưa được phổ biến, triển khai rộng rãi; tình trạng lãng phí nước còn nhiều; đặc biệt trong sản xuất nông nghiệp, thủy sản công nghiệp... Việc giám sát nguồn nước các sông xuyên biên giới vẫn còn hạn chế, tại nhiều sông chưa thực hiện được.

## 2. Nguyên nhân

Tình trạng trên là do các nguyên nhân khách quan và chủ quan, trong đó chủ quan là chính. Về khách quan, là do biến đổi khí hậu diễn biến phức tạp; việc gia tăng khai thác tài nguyên nước từ phát triển thủy điện các quốc gia thượng nguồn; sự gia tăng dân số, quá trình công nghiệp hóa, đô thị hóa diễn ra mạnh mẽ; số lượng nguồn thải lớn làm suy thoái, cạn kiệt tài nguyên.

Về chủ quan, là do việc thực thi vai trò lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy Đảng, chính quyền, sự giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội còn chưa tốt. Nhận thức, ý thức về quản lý tài nguyên chưa đáp ứng yêu cầu. Việc thể chế hóa chủ trương, chính sách của Nghị quyết còn chậm, chưa kịp thời. Hệ thống thể chế, chính sách pháp luật về tài nguyên môi trường còn bất cập, thiếu tính ổn định, đồng bộ, thống nhất, có những khoảng trống. Hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật còn chưa đầy đủ. Tính hiệu lực, hiệu quả của công tác quản lý nhà nước chưa cao; việc thực thi pháp luật còn nhiều yếu kém; công tác thanh tra, kiểm tra còn bất cập, vướng mắc, chưa đáp ứng yêu cầu. Nguồn lực tài chính, con người, trang thiết bị cho quản lý tài nguyên còn thiếu và yếu. Việc ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý tài nguyên chưa mạnh mẽ; chuyển đổi số của ngành mới được triển khai, kết quả đạt được chưa đáp ứng với yêu cầu.

## VI. Đề xuất, kiến nghị để tiếp tục đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW

Quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ giải pháp về quản lý tài nguyên tại Nghị quyết số 24-NQ-TW cho thấy nhiều bài học kinh nghiệm được rút ra như: phải quán triệt bảo vệ, khai thác, phát huy tiềm năng của tài nguyên là sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân. Trong quản lý tài nguyên phải đặt mục tiêu phát huy hiệu quả, phát triển bền vững. Không chạy theo lợi ích trước mắt về kinh tế mà phải đặt mục tiêu phát triển lâu dài.

Qua quá trình tổng kết thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW và Kết luận 56-KL/TW, có thể nhận thấy rằng *các quan điểm của Nghị quyết vẫn còn nguyên giá trị, cần được giữ cho giai đoạn sắp tới đến 2030*. Tuy nhiên, cần rà soát, tiếp tục bổ sung, cập nhật các nhiệm vụ cụ thể về lĩnh vực quản lý tài nguyên trong giai đoạn

đến năm 2030, tầm nhìn 2050. Để thực hiện thành công Nghị quyết 24-NQ/TW trong giai đoạn sắp tới, Bộ TN&MT có một số kiến nghị như sau:

1. Bộ Chính trị thông qua Báo cáo Đề án và xem xét, ban hành Kết luận về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24/NQ-TW về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường. Chỉ đạo Quốc hội, Chính phủ nghiên cứu đề xuất hoàn thiện mô hình tổ chức cơ quan quản lý nhà nước về môi trường ở Trung ương và địa phương để đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường phù hợp trong tình hình mới cũng như phù hợp với xu thế tổ chức, quản lý của các nước trên thế giới và khu vực.

2. Ban Kinh tế Trung ương phối hợp với các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết và định kỳ báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư kết quả thực hiện Nghị quyết.

3. Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự đảng Chính phủ tiếp tục chỉ đạo quyết liệt để sớm hoàn thiện các chính sách, quy định và trình Quốc hội thông qua Luật Đất đai, Luật Tài nguyên nước và Luật Địa chất và Khoáng sản.

4. Ban Cán sự đảng Chính phủ, các bộ ngành ở Trung ương chỉ đạo sửa đổi, bổ sung các văn bản dưới luật; chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương xây dựng và tổ chức thực hiện các quy hoạch, chương trình, kế hoạch cụ thể để thực hiện Nghị quyết một cách đồng bộ, hiệu quả; chấn chỉnh và tăng cường việc thực thi pháp luật, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện và kịp thời điều chỉnh các quy hoạch, chương trình, kế hoạch, giải pháp cụ thể phù hợp với yêu cầu thực tế, bảo đảm thực hiện có hiệu quả cao nhất các nhiệm vụ của Nghị quyết.

5. Các cấp ủy Đảng, Đảng đoàn, ban cán sự đảng các cấp tiếp tục chỉ đạo tổ chức thực hiện các nội dung của Nghị quyết, tạo sự thống nhất cả về nhận thức và hành động trong việc triển khai thực hiện Nghị quyết.

6. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể đẩy mạnh tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân thống nhất trong nhận thức, tích cực, chủ động tham gia triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết, đồng thời giám sát hoạt động bảo vệ môi trường của các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp./.

**\* Ghi chú: Các số liệu trong báo cáo đang trong quá trình tổng hợp, đánh giá, đề nghị không sử dụng cho các mục đích khác.**